

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHU VỰC XX

Số: 145/QĐ-KBXX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước
Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 14/3/2025

GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 14446/BTC-KHTC ngày 26/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện thông tư số 61/2017/TT-BTC đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 46/BTC-KHTC ngày 19/02/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện thông tư số 90/2018/TT-BTC đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ công văn số 5786/KBNN-TVQT ngày 05/12/2017 của Kho bạc Nhà nước về việc công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán trong hệ thống Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ công văn số 910/KBNN-TVQT ngày 25/02/2019 của Kho bạc Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC đối với các đơn vị thuộc Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 5862/TB-KBNN ngày 24/6/2025 của Kho bạc Nhà nước thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 14/3/2025 của Kho bạc Nhà nước Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 5865/TB-KBNN ngày 24/6/2025 của Kho bạc Nhà nước thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 14/3/2025 của Kho bạc Nhà nước Cà Mau;

Căn cứ Thông báo số 5864/TB-KBNN ngày 24/6/2025 của Kho bạc Nhà nước thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 14/3/2025 của Kho bạc Nhà nước Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài vụ - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 14/3/2025 của Kho bạc Nhà nước Kiên Giang, Kho bạc Nhà nước Cà Mau và Kho bạc Nhà nước Bạc Liêu do Kho bạc Nhà nước khu vực XX đại diện tiếp nhận, thực hiện nhận thông báo xét duyệt quyết toán (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài vụ - Quản trị và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- KBNN (Ban TVQT);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TVQT (04 bản).



Trần Văn Quốc Thịnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

Biểu số 04/CKNS-QT



Chương: 018

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 14/3/2025
CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-KBXX ngày 04/7/2025 của KBNN khu vực XX)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Số quyết toán thu				
I	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí	6.887	6.887		
1	Số thu phí, lệ phí	6.887	6.887		
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Thu từ hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
II	Chi từ nguồn thu được để lại	0	0		
1	Chi từ phí thanh toán				
2	Chi từ hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Chi từ hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
III	Số nộp NSNN	6.887	6.887		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	6.887	6.887		
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
B	Dự toán chi NSNN				
I	Chi NSNN	12.218.071	12.218.071		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.218.071	12.218.071		
	Trong đó: chi Quỹ thưởng theo ND 73/2024/ND-CP				
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
II	Chi từ nguồn thu nghiệp vụ KBNN	0	0		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Quỹ PTHĐ ngành	96.642	96.642		

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

Biểu số 04/CKNS-QT

Chương: 018



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 14/3/2025
CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-KBXX ngày 04/7/2025 của KBNN khu vực XX)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Số quyết toán thu				
I	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí	27.106	27.106		
1	Số thu phí, lệ phí	27.106	27.106		
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Thu từ hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
II	Chi từ nguồn thu được để lại	0	0		
1	Chi từ phí thanh toán				
2	Chi từ hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Chi từ hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
III	Số nộp NSNN	27.106	27.106		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	27.106	27.106		
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
B	Dự toán chi NSNN				
I	Chi NSNN	8.101.300	8.101.300		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.101.300	8.101.300		
	Trong đó: chi Quỹ thưởng theo ND 73/2024/ND-CP				
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
II	Chi từ nguồn thu nghiệp vụ KBNN	0	0		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Quỹ PTHĐ ngành	0	0		

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

Biểu số 04/CKNS-QT

Chương: 018



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 14/3/2025
CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-KBXX ngày 04/17/2025 của KBNN khu vực XX)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Số quyết toán thu				
I	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí	3.100	3.100		
1	Số thu phí, lệ phí	3.100	3.100		
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Thu từ hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
II	Chi từ nguồn thu được để lại	0	0		
1	Chi từ phí thanh toán				
2	Chi từ hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Chi từ hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
III	Số nộp NSNN	3.100	3.100		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	3.100	3.100		
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động nghiệp vụ Kho bạc				
B	Dự toán chi NSNN				
I	Chi NSNN	6.333.693	6.333.693		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.333.693	6.333.693		
	Trong đó: chi Quỹ thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP				
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
II	Chi từ nguồn thu nghiệp vụ KBNN	0	0		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Quỹ PTHĐ ngành	0	0		